

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Trịnh

Ông Nguyễn Hữu Nhạc

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Ngô Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018, về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐ-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Xuân C**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 38, phường P, Thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn H T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 602 - USA.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân C có đơn xin vắng mặt; Bà Nguyễn H T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C trình bày: Tôi và bà Nguyễn H T có tự nguyện tìm hiểu và

tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2014 ngày 27/01/2014, Quyền số 01/2014.

Sau khi kết hôn tôi và bà Nguyễn H T chỉ chung sống với nhau một vài tháng sau đó bà Nguyễn H T qua Mỹ sinh sống. Sau khi qua Mỹ sinh sống thì thời gian đầu tôi và bà Nguyễn H T vẫn còn thường xuyên liên lạc, hỏi thăm tình hình của nhau và chia sẻ mọi vấn đề trong cuộc sống với nhau. Nhưng vì khoảng cách về địa lý, chúng tôi không thể gần nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt, hết yêu thương nhau không còn muốn tiếp tục chung sống với nhau. Tôi nhận thấy do chúng tôi chưa tìm hiểu kỹ về tính cách lối sống của nhau mà vội vàng kết hôn nên chúng tôi không hợp nhau, không hiểu nhau, không thể chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Dù có đăng ký kết hôn với nhau nhưng tôi và bà Nguyễn H T chỉ chung sống với nhau khoảng 2 tháng. Hiện tại bà Nguyễn H T đang sống tại Mỹ còn tôi sống tại Việt Nam. Vì không sống chung với nhau một thời gian dài nên bà Nguyễn H T đã làm quen với người đàn ông khác và hết tình cảm với tôi. Đến nay vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân hạnh phúc không đạt được, tôi và bà Nguyễn H T không muốn tiếp tục chung sống với nhau nên tôi yêu cầu tòa án cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn H T. Về con chung tôi và bà Nguyễn H T không có con chung, tôi không yêu cầu tòa giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà Nguyễn H T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa giải quyết. Do bà Nguyễn H T đang sinh sống tại Mỹ tôi đã nhiều lần liên lạc với bà Nguyễn H T nhưng không được; nay tôi yêu cầu Tòa án tiến hành Ủy thác tư pháp để thu thập chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn H T.

- Bị đơn Nguyễn H T: Không có lời khai tại Tòa án.

Căn cứ lời khai của ông Nguyễn Xuân C và xác định tại thời điểm thụ lý vụ án bà Nguyễn H T đang sinh sống và có địa chỉ: 602 M Dr NW Huntsville, AL 35805, USA. Theo yêu cầu của ông Nguyễn Xuân C, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tiến hành ủy thác tư pháp đến Bộ Tư pháp để chuyển hồ sơ ủy thác để tổng đạt Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C; Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và lấy lời khai đối với bà Nguyễn H T, như sau:

Ngày 20/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã có Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự số 316/2018/TTTPDS-TA11 v/v tương trợ tư pháp (lần 1) và Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 14/2018/QĐ-UTTA ngày 20/9/2018. Công văn số 315/TTTPDS –TA 11 ngày 20/9/2018 gửi Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Houston, Hợp chúng quốc Hoa kỳ. Tòa án tiến hành đăng tin thông báo cho bà Nguyễn H T trên Ban đối ngoại đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 3 ngày liên tiếp. Sau khi đăng tin cho đến nay vẫn không có kết quả.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn bà Nguyễn H T vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn bà Nguyễn H T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng pháp luật; Đương sự chấp hành pháp luật. Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C và các tài liệu thu thập được thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Xuân C với bà Nguyễn H T là hợp pháp, được pháp luật công nhận họ là vợ chồng. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về văn hóa, ngôn ngữ không thể giải quyết được, hơn nữa vợ chồng đã không chung sống với nhau từ lâu, không còn yêu thương nhau.

Căn cứ Điều 51 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Nguyễn Xuân C ly hôn với bà Nguyễn H T.

XÉT THẤY:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án đương sự xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn là người đang định cư ở nước ngoài nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh được quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Xuân C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn H T là người đang ở nước ngoài. Tại thời điểm thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn H T cư trú tại nước ngoài. Tòa án đã ủy thác tư pháp hợp lệ để tổng đạt tài liệu và lấy lời khai bà Nguyễn H T, tuy nhiên Tòa án không nhận được kết quả bà Nguyễn H T đã nhận các giấy tờ do Tòa án ủy thác. Căn cứ Điều 16 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao và điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt bà Nguyễn H T.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn H T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 322 quyển số 02 ngày 24/10/2014 tại Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận. Nơi đăng ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận là đảm bảo theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và

không vi phạm trường hợp cấm kết hôn theo các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn H T là hợp pháp theo quy định tại Điều 126 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[3] Mặc dù, trước khi đăng ký kết hôn hai bên đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau nhưng thời gian tìm hiểu không lâu; bà Nguyễn H T hiện đang làm ăn và sinh sống tại Hoa Kỳ, không còn liên lạc với ông Nguyễn Xuân C. Từ năm 2016 đến nay, hai bên đã không còn liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau, cuộc sống chung đã chấm dứt và hôn nhân chỉ còn tồn tại trên giấy tờ. Từ đó đến nay hai bên cũng không có ý định hàn gắn tình cảm, ông Nguyễn Xuân C không xuất cảnh sang Hoa Kỳ để đoàn tụ với bà Nguyễn H T; bà Nguyễn H T cũng không về Việt Nam để chung sống với ông Nguyễn Xuân C. Kết quả ủy thác tư pháp đối với bà Nguyễn H T do Bộ Tư Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận không thể hiện bà Nguyễn H T đã nhận các tài liệu do Tòa án tổng đạt và Tòa án cũng đã Thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam kênh VOV5 ba lần trong 3 ngày liên tiếp nhưng vẫn không có kết quả nên được xem là bà Nguyễn H T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân của hai người thể hiện mục đích kết hôn của ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn H T để xây dựng gia đình hạnh phúc đã không đạt, cuộc sống chung đã không còn tồn tại.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được thì yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Xuân C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn H T không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Trong vụ án này, Tòa án đã ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp để thực hiện việc Ủy thác để tổng đạt Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C. Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và lấy lời khai đối với theo yêu cầu của ông Nguyễn Xuân C. Do vậy, ông Nguyễn Xuân C phải chịu phí ủy thác tư pháp; Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp; Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự; Chi phí dịch thuật kết quả ủy thác tư pháp và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 giữa Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân Tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, Luật tương trợ tư pháp và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, điểm c khoản 5 Điều 477 và khoản 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127, Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Nguyễn Xuân C. Ông Nguyễn Xuân C được ly hôn với bà Nguyễn H T.

Về án phí, phí và chi phí khác:

Ông Nguyễn Xuân C phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Xuân C đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022838 ngày 24/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận; Ông Nguyễn Xuân C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Xuân C phải chịu phí ủy thác tư pháp về dân sự nhưng được trừ số tiền ông Nguyễn Xuân C đã nộp 200.000đồng tiền phí ủy thác tư pháp về dân sự theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0027615 ngày 17/7/2018 và số tiền 200.000đồng phí ủy thác tư pháp về dân sự nhưng được trừ số tiền ông Nguyễn Xuân C đã nộp 200.000đồng tiền phí ủy thác tư pháp về dân sự theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0027614 ngày 17/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ông Nguyễn Xuân C đã nộp đủ tiền phí ủy thác tư pháp về dân sự.

Ông Nguyễn Xuân C phải chịu chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự nhưng được trừ số tiền ông Nguyễn Xuân C đã nộp 3.000.000đồng tiền chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự theo Biên lai thu tiền số 0001771 ngày 17/7/2018 và số tiền 3.000.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0001775 ngày 24/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ông Nguyễn Xuân C đã nộp đủ tiền chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự.

Ông Nguyễn Xuân C phải chịu chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ, chi phí tổng đạt giấy tờ hồ sơ ủy thác tư pháp. Ông Nguyễn Xuân C đã thực hiện xong.

Ông Nguyễn Xuân C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Đối với bà Nguyễn H T được kháng cáo bản án này với thời hạn là 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- THADS tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thanh Thúy

